

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1156/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 08 tháng 8 năm 2012*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch: Rà soát, cập nhật, bổ sung Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 368/2012/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 13/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập quy hoạch rà soát, cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 63/TTr-SCT ngày 10/7/2012 và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 216/BC-SKHĐT-TĐQH ngày 01/8/2012 báo cáo Quy hoạch: Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch: Rà soát, cập nhật, bổ sung Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ thường xuyên và an toàn xăng dầu cho các phương tiện giao thông trên các tuyến đường của Tỉnh đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn Tỉnh.

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ thương mại, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích người tiêu dùng.

- Khuyến khích thương nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển cơ sở kinh doanh xăng dầu theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng có xét ưu tiên cho các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối (Petrolimex, PV Oil,...) đầu tư để đảm bảo nguồn cung cấp xăng dầu ổn định trong mọi tình huống nhất là phục vụ cho công tác quốc phòng, an ninh và thiên tai.

- Kết hợp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng và an ninh.

**II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

- Xây dựng một hệ thống cửa hàng xăng dầu khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu tiêu thụ các loại nhiên liệu, đảm bảo cung cấp nhiên liệu cho các phương tiện giao thông trên các tuyến đường thuộc địa bàn Phú Yên và phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Kiên quyết giải tỏa, di dời các cửa hàng nhỏ lẻ, không phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương hoặc có vi phạm tiêu chuẩn về an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường; cửa hàng nằm trong dự án phát triển của Trung ương và địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống cửa hàng hiện có để nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời giảm thiểu những nguy cơ mất an toàn về phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường.

- Các cửa hàng xây dựng mới cần có kết cấu cột bơm xăng dầu hợp lý để có thể kết hợp hoặc chuyển đổi nguồn cung cấp nhiên liệu từ xăng, dầu các loại sang khí dầu mỏ hóa lỏng kể cả nhiên liệu sinh học cho các phương tiện giao thông.

- Kết hợp dịch vụ cung cấp nhiên liệu với các dịch vụ thương mại khác.

**III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN**

## 1. Các tiêu chí xây dựng cửa hàng

### a) Về diện tích, quy mô:

- Cửa hàng cấp 1: Khu bán xăng dầu tối thiểu phải có từ 6 cột bơm trở lên (loại 1 - 2 vòi/cột bơm). Dung tích bồn chứa từ  $151\text{m}^3$  đến  $210\text{m}^3$ . Ngoài bán xăng dầu kèm theo nhà nghỉ, bãi đỗ xe qua đêm và các dịch vụ thương mại khác (rửa xe, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng xe, bách hóa, ăn uống, giải khát...). Diện tích đất tối thiểu phải đạt  $3.000\text{m}^2$  (ngoài khu vực đô thị),  $1.000\text{m}^2$  (trong khu vực đô thị);

- Cửa hàng cấp 2: Khu bán xăng dầu tối thiểu phải có từ 4 cột bơm trở lên (loại 1 - 2 vòi/cột bơm). Dung tích bồn chứa từ  $101\text{m}^3$  đến  $150\text{m}^3$ . Ngoài bán xăng dầu kèm theo các dịch vụ thương mại khác (rửa xe, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng xe, bách hóa, ăn uống, giải khát...). Diện tích đất tối thiểu phải đạt  $2.000\text{m}^2$  (ngoài khu vực đô thị),  $500\text{m}^2$  (trong khu vực đô thị);

- Cửa hàng cấp 3: Khu vực bán xăng dầu tối thiểu phải có 3 cột bơm (loại 1 - 2 vòi/cột bơm). Dung tích bồn chứa  $\leq 100\text{m}^3$ . Diện tích đất tối thiểu phải đạt  $1.000\text{m}^2$  (ngoài khu vực đô thị),  $300\text{m}^2$  (trong khu vực đô thị).

Chú thích: Diện tích chiếm đất nêu trên không kể đến diện tích đất xây dựng khu sinh hoạt cho công nhân vận hành của cửa hàng và đường cho xe ra vào cửa hàng.

### b) Tiêu chí về khoảng cách:

- Khoảng cách giữa 2 cửa hàng cấp 1:  $\geq 40\text{km}$ ;

- Khoảng cách giữa 2 cửa hàng cấp 2:  $\geq 20\text{km}$ ;

- Khoảng cách giữa 2 cửa hàng cấp 3 và với cửa hàng cấp 1, cấp 2:

+ Trong khu vực đô thị:  $\geq 2\text{ km}$ ;

+ Ngoài khu vực đô thị:  $\geq 12\text{ km}$ .

### c) Tiêu chí về địa điểm:

- Thuận lợi cho việc mua hàng của khách hàng và có khả năng đạt sản lượng bán hàng cao để bảo đảm hiệu quả kinh doanh;

- Thuận lợi về mặt nối kết các công trình hạ tầng: giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc để giảm thiểu chi phí đầu tư;

- Đảm bảo khoảng cách giữa các cửa hàng theo tiêu chí quy định ở điểm b;

- Đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường;

- Phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

## 2. Quy hoạch các cửa hàng

- Đến thời điểm tháng 12/2011, trên địa bàn tỉnh Phú Yên có 133 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Đến năm 2020, tổng số là 207 cửa hàng, bao gồm: hiện có giữ nguyên vị trí: 119 cửa hàng (Danh sách tại Phụ lục số 1) và xây dựng mới: 88 cửa hàng (Danh sách tại Phụ lục số 2);

- Tổng số cửa hàng hiện có đến năm 2020 phải giải tỏa, di dời: 14 cửa hàng (Danh sách tại Phụ lục số 3).

a) Giai đoạn 2012-2015:

- Xây dựng mới: 39 cửa hàng, gồm 12 cửa hàng cấp 2 và 27 cửa hàng cấp 3;

- Cải tạo, nâng cấp về kiến trúc xây dựng đạt tối thiểu cửa hàng cấp 3 đảm bảo khung trang, an toàn phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường: 49 cửa hàng (Danh sách tại Phụ lục số 4);

- Giải tỏa, di dời: 14 cửa hàng hiện có.

b) Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng mới: 49 cửa hàng, gồm 02 cửa hàng cấp 2, 47 cửa hàng cấp 3.

### **3. Tổng vốn đầu tư**

Vốn đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu đến năm 2020 khoảng 393,8 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2012- 2015: 206,6 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016- 2020: 187,2 tỷ đồng.

### **4. Nguồn vốn đầu tư**

Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo Quy hoạch được duyệt, bao gồm các nguồn vốn: của các doanh nghiệp nhà nước, của các Công ty TNHH, cổ phần của các nhà đầu tư, của các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài...

### **5. Nhu cầu sử dụng đất**

Căn cứ vào diện tích chuẩn theo quy định của cửa hàng xăng dầu cấp 1, cấp 2, cấp 3 và xây dựng mới, nâng cấp mở rộng cửa hàng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Dự kiến tổng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng cửa hàng xăng dầu là 10 ha.

## **IV. GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về vốn**

Các doanh nghiệp sử dụng 100% vốn tự cân đối hoặc vay tín dụng để xây dựng cửa hàng xăng dầu.

### **2. Giải pháp về đất đai**

Nhà nước đầu giá quyền sử dụng đất hoặc cho thuê đất để các doanh nghiệp xây dựng cửa hàng xăng dầu.

### **3. Giải pháp về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và an toàn giao thông**

- Về phòng cháy chữa cháy: Cơ sở kinh doanh xăng dầu phải bảo đảm xây dựng theo đúng các tiêu chuẩn thiết kế quốc gia (TCVN 4530:2011 cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế) và phải thường xuyên bảo đảm các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy trong quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu. Kiên quyết xử lý mọi vi phạm về an toàn phòng cháy chữa cháy, kể cả ngừng kinh doanh đối với cửa hàng không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Về bảo vệ môi trường: Tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong các công trình cửa hàng xăng dầu. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện vệ sinh môi trường và xử lý nghiêm đối với các vi phạm quy định về môi trường;

- Về an toàn giao thông: Cơ sở kinh doanh xăng dầu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các chủ cơ sở kinh doanh xăng dầu. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm an toàn giao thông, vi phạm hành lang giao thông.

### **4. Chính sách về hỗ trợ di dời, giải tỏa**

Có chính sách hỗ trợ phù hợp theo quy định của pháp luật và ưu tiên bố trí địa điểm mới theo quy hoạch cho các cửa hàng phải giải tỏa, di dời.

### **5. Giải pháp về quản lý nhà nước**

- Bảo đảm thực hiện các quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Chỉ chấp nhận đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Kiên quyết xử lý nghiêm hành vi vi phạm của các cửa hàng xây dựng không phù hợp với quy hoạch được duyệt; không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; các trường hợp vi phạm các điều kiện về phòng cháy chữa cháy, môi trường, giao thông, vi phạm về đo lường, chất lượng xăng dầu.

- Đối với các cửa hàng xăng dầu hiện có được tồn tại nhưng chưa đạt tối thiểu chuẩn cửa hàng cấp 3, có điều kiện thì phải nâng cấp, mở rộng cửa hàng để đạt chuẩn; nếu không còn điều kiện mở rộng thì phải cải tạo, nâng cấp về cơ sở và đầu tư trang thiết bị, công nghệ để đảm bảo được tính văn minh, tiện ích, an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

- Đối với các cửa hàng xăng dầu hiện có nằm trong diện giải tỏa, di dời thì kiểm tra đơn đốc chủ doanh nghiệp thực hiện theo lộ trình.

- Đối với cửa hàng xăng dầu xây dựng mới phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Công Thương:

- Có trách nhiệm công bố và công khai Quy hoạch được duyệt để toàn dân biết, các nhà đầu tư tham gia thực hiện Quy hoạch. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch theo tiến độ.

- Cụ thể hóa Quy hoạch thành chương trình đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu, cụ thể hóa trong các kế hoạch hàng năm để thực hiện.

- Phối hợp với các ngành chức năng có liên quan quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

### 2. Sở Giao thông vận tải:

- Hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định bảo vệ hành lang an toàn giao thông; điều kiện điểm đầu nối của hệ thống giao thông với cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp mở đường đầu nối và thiết kế kỹ thuật đầu nối đường ra vào cửa hàng xăng dầu không đúng quy định.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Quy hoạch quỹ đất để đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Kiểm tra, giám sát thương nhân kinh doanh xăng dầu thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng xăng dầu. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm về kỹ thuật đo lường, chỉ tiêu chất lượng xăng dầu.

5. Sở Xây dựng: Thẩm định, cấp các thông số quy hoạch đối với các công trình cửa hàng xăng dầu theo quy định.

### 6. Công an tỉnh:

- Thẩm định phương án đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của cửa hàng xăng dầu, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy đối với công

trình cửa hàng xăng dầu; tổ chức đào tạo, huấn luyện cán bộ, nhân viên cửa hàng xăng dầu về công tác phòng cháy chữa cháy.

- Tăng cường công tác kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại các cửa hàng xăng dầu.

7. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Thông báo công khai Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu được phê duyệt trên địa bàn mình để các tổ chức, cá nhân biết khi lập dự án đầu tư xây dựng cửa hàng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu sau khi có chủ trương đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu của cấp có thẩm quyền.

8. Các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp cùng Sở Công Thương tổ chức thực hiện Quy hoạch này.

**Điều 2.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Ân**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**DANH MỤC CÁC CỬA HÀNG XĂNG DẦU GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
<b>TỔNG SỐ: 119</b>								<b>1</b>	<b>1</b>	<b>117</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>									
1	CHXD 224	Cty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên	224 Nguyễn Tất Thành, phường 8	1.351	26	4	4			x
2	CHXD Trung tâm	Cty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên	43 Nguyễn Tất Thành, phường 1	3.550	57	10	12			x
3	CHXD số 01	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1325+750, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến	2.940	75	6	5			x
4	CHXD số 02	CN Xăng dầu Phú Yên	Nguyễn Tất Thành, phường 2,	820	50	6	5			x
5	CHXD số 03	CN Xăng dầu Phú Yên	138C Lê Lợi, phường 4	700	75	8	11			x
6	CHXD số 04	CN Xăng dầu Phú Yên	Đường Lê Thành Phương, phường 2	748	50	6	5			x
7	CHXD số 06	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1325+430, xã An Phú	113	60	5	4			x
8	CHXD số 18	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1322+350, xã An Phú	670	60	5	5			x
9	CHXD số 2, Km 1324	Công ty CP TMDV HATACO	QL1, Km 1324+150, xã An Phú	3.321	100	6	6			x
10	CHXD Chín Thử 1	DNTN cơ sở KDXD Chín Thử	106 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm	912	65,5	4	6			x
11	CHXD Chín Thử 2	DNTN cơ sở KDXD Chín Thử	Cảng cá Đông Tác, phường Phú Đông	300	25	2	3			x
12	CHXD Thoại Khoa	DNTN Thoại Khoa	Cảng cá Đông Tác, phường Phú Đông	390	25	2	6			x
13	CHXD Thu Vân	DNTN KDXD Thu Vân	Cảng cá Phường 6	300	42	3	5			x
14	CHXD Vinapco	XNXD Hàng không miền	229 Nguyễn Tất Thành, phường	750	70	3	7			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
		trung	8							
15	CHXD Thành Trung	DNTN KD Xăng dầu Thành Trung	42 Lê Duẩn, phường 6	375	25	2	4			x
16	CHXD Long Phần	DNTN XD Long Phần	Thôn Long Thủy, xã An Phú	200	7	1	2			x
17	CHXD Đông Tác	DNTN Vinh Sâm	Cảng cá Đông Tác, phường Phú Đông	182	25	1	3			x
18	CHXD Mười Sum 1	DNTN XD Mười Sum	102 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm	500	49	4	8			x
19	CHXD Mười Sum 2	DNTN XD Mười Sum	QL1, Km1322+510, xã An Phú	1.000	118	7	12		x	
20	CHXD Mười Sum 3	DNTN XD Mười Sum	Cảng cá Đông Tác, phường Phú Đông	254	32	4	2			x
21	CHXD Công ty CP xây dựng giao thông PY	Công ty CP Xây dựng giao thông	Nguyễn Tất Thành, thôn Liên Trì, xã Bình Kiến	1.391	24	3	2			x
22	Đại lý XD Mỹ Dung	DNTN Mỹ Dung	41 Nguyễn Tất Thành, phường 1	500	20	3	6			x
23	CHXD Trung Nga 1	DNTN XD Trung Nga	Nguyễn Tất Thành, xã Bình Kiến	218	10	2	2			x
24	CHXD Phú Lâm	HTX NN KDDV Phú Lâm	Đường Nguyễn Tất Thành, KP. 3, phường Phú Thạnh	817	50	3	5			x
25	CHXD Đà Rằng	Công ty TNHH Đà Rằng	06 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm	90	35	2	6			x
<b>II</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG HÒA</b>									
26	CHXD Hòa Xuân Tây	Công ty CP Xăng dầu đầu khí Phú Yên	QL1, Km 1346, xã Hòa Xuân Tây	1.985	50	6	5			x
27	CHXD Hòa Xuân Đông	Công ty CP Xăng dầu đầu khí Phú Yên	QL1, Km 1350+430, thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông	1.620	41	4	5			x
28	CHXD Hòa Vinh 1	Công ty CP Xăng dầu đầu khí Phú Yên	QL1, Km 1343+180, thôn 3, xã Hòa Vinh	579,2	29	6	4			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
29	CHXD Hòa Vinh 2	Công ty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên	QL1, Km1341+230, thôn 1, xã Hòa Vinh	1.173,3	40	5	5			x
30	CHXD HTX NN KD-DV Hòa Hiệp Nam 1	HTX NN KD-DV Hòa Hiệp Nam 1	Thôn Thọ Lâm, xã Hòa Hiệp Nam	750	44	3	4			x
31	CHXD số 7	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1342+825, xã Hòa Vinh	300	60	5				x
32	CHXD Hòa Hiệp	Cty CP TM&DV Tiên Việt	Thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp Trung	883	55	5	6			x
33	CHXD Chín Thử - CS 3	DNTN Cơ sở KD XD Chín Thử	QL1, Km 1356+115, thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân Nam	570	114	4	3			x
34	CHXD Chín Thử - CS 4	DNTN Cơ sở KDXD Chín Thử	QL1, Km1346+510, thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân Đông	350	65	4	3			x
35	CHXD Kiều My-CS 1	DNTN Kiều My	Thôn Phước Lâm, xã Hòa Hiệp Bắc	600	27	3	3			x
36	CHXD Nguyễn	DNTN Nguyễn	Thôn Đa Ngư, xã Hòa Hiệp Nam	535	15	2	2			x
37	CHXD Bốn Hạnh - CS 1	DNTN Bốn Hạnh	Thôn Phú Thọ, xã Hòa Hiệp Trung	1.620	29	2	4			x
38	CHXD Bốn Hạnh - CS 2	DNTN Bốn Hạnh	Thôn Phú Thọ 3, xã Hòa Hiệp Trung	700	12	2	3			x
39	CHXD Phú Thọ 2	DNTN Xăng dầu Chung	Thôn Phú Thọ, xã Hòa Hiệp Trung	300	12	2	4			x
40	CHXD Kiều My-CS 2	DNTN Kiều My	Thôn Mỹ Hòa, xã Hòa Hiệp Bắc	900	40	2	2			x
41	CHXD Ba Phí	DNTN Xăng dầu Ba Phí	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp Nam	300	16	2	3			x
42	CHXD Mỹ Lệ	DNTN XD-TM Mỹ Lệ	Thôn Phú Thọ, xã Hòa Hiệp Trung	1.000	15	2	3			x
43	CHXD Hòa Tân	DNTN Hòa Tân	QL 29, thôn Cảnh Phước, xã Hòa Tân Đông	550	30	3	3			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
44	CHXD Số 19	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1357+445, thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân Nam	500	55	4	4			x
<b>III</b>	<b>HUYỆN TÂY HÒA</b>									
45	CHXD Ga Gò Mắm	Cty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên	QL29, thôn Mỹ Lệ, xã Hòa Bình 2	1.192	45	6	5			x
46	CHXD Hòa Phong	HTX NN KDDV Hòa Phong	QL 29, Km16+300, thôn Mỹ Thạnh Trung, xã Hòa Phong	530	32	3	6			x
47	CHXD Hòa Mỹ Đông	HTX NN KDDV Hòa Mỹ Đông	Thôn Phú Thuận, xã Hòa Mỹ Đông	1.712	41,5	3	4			x
48	CHXD Hòa Bình 1	HTX Hòa Bình	ĐT 645, Km 4+600, thôn Phú Nông, xã Hòa Bình 1	990	30	3	4			x
49	CHXD Cần Minh	DNTN Xăng dầu Cần Minh	QL29, Km25, xã Sơn Thành Đông	1.500	32	3	3			x
50	CHXD Chín Sĩ	DNTN Xăng dầu Chín Sĩ	QL29, Km 27+500, thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông	415	30	3	2			x
51	CHXD Vinacafe Sơn Thành	Cty CP Vinacafe Sơn Thành	QL29, xã Sơn Thành Tây	1.012	30	4	3			x
52	CHBL XD Phú Thứ	DNTN Khánh Quỳnh	Thôn Phú Thứ, xã Hòa Bình 2	1.120	40	5	8			x
<b>IV</b>	<b>HUYỆN SÔNG HINH</b>									
53	CHKD XD Sông Hinh	Cty CP Thương Mại Miền núi	QL29, KP 4, thị trấn Hai Riêng	216	38	4	4			x
54	CHKD XD Ba Sơn	DNTN XD Ly Sơn	QL29, thị trấn Hai Riêng	1.125	28	3	4			x
55	CHXD Hữu Minh	DNTN Hữu Minh	QL29, KP6, thị trấn Hai Riêng	1.350	26	3	4			x
56	CHXD Tân Yên	DNTN Đình Thị Huệ	QL29, thôn Tân Yên, xã Ealy	2.400	35	4	3			x
57	CHXD EaBar	Cty TNHH Thanh Thiên	QL29, Buôn Trinh, xã EaBar	775	50	4	9			x
58	CHXD Trung Việt	DNTN XD Trung Việt	QL 29, Thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông	1.000	42	4	5			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
59	CHXD Đức Bình Tây	DNTN XD Ngọc Duy	Thôn Đồng Phú, xã Đức Bình Tây	1.800	28	3	6			x
60	CHMB XD Nhất Nguyên	DNTN XD Nhất Nguyên	Buôn Dành B, xã EaBia	1.800	46	3	5			x
61	CHXD Sơn Giang	Cty TNHH Lê Hồng	QL29, Thôn Nam Giang, xã Sơn Giang	1.434	60	4	5			x
<b>V</b>	<b>HUYỆN SƠN HÒA</b>									
62	CHXD Trịnh Thái	DNTN KD Xăng dầu Trịnh Thái	QL25, Km 47, Ngã tư Cây Me, thôn Tân An, xã Suối Bạc	1.421	50	3	4			x
63	CHXD Kim Tiến	DNTN DNTN Hồ Thị Kim Tiến	QL25, Km 37+ 500, thôn Ngân Điền, xã Sơn Hà	150	28	3	3			x
64	CHXD An Thư 1	DNTN DNTN Xăng dầu An Thư	QL25, thôn Tân Phú, Xã Suối Bạc	1.450	10	2	4			x
65	CHXD An Thư 2	DNTN DNTN Xăng dầu An Thư	Thôn Tân Hội, xã Sơn Hội	1.009	25	2	3			x
66	CHXD Phú Hữu	DNTN DNTN Xăng dầu Phú Hữu	QL25, thôn Phú Hữu, xã Suối Bạc	600	50	2	4			x
67	CHXD Phú Mỹ Hưng	DNTN Phú Mỹ Hưng	QL25, Km 67+740, thôn Phú Sơn, xã Krôngpa	1.000	50	3	7			x
68	CHBL XD Ea Chà Rang	DNTN KDXD Trịnh Thái	QL25, Km 55+600, xã Ea Chà Rang	1.200	50	4	3			x
69	CHBL XD Vân Hòa	DNTN XD Tùng Vân Hòa	Thôn Vân Hòa, xã Sơn Long	1.174	30	2	2			x
<b>VI</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG XUÂN</b>									
70	CHKD TH Đồng Xuân	Cty CP Thương mại miền núi	ĐT 641, thôn Long An, thị trấn La Hai	750	70	3	2			x
71	CHKD XD Xuân Lãnh	Cty CP Thương mại miền núi	ĐT 641, thôn Lãnh Vân, xã Xuân Lãnh	320	22	2	2			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
72	CHXD Hoa Bằng	Cty TNHH XD Hoa Bằng	ĐT 642, thôn Long Hà, thị trấn La Hai	300	30	3	3			x
73	CHXD Lê Tiến	DNTN Lê Tiến	Thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước	800	32	3	3			x
74	CHBL XD Xuân Sơn Nam	HTX SX &DV NN Xuân Sơn Nam	ĐT 641, Thôn Tân Vinh, xã Xuân Sơn Nam	800	25	2	2			x
75	CHBL XD Phương Lan	DNTN KDXD Phương Lan	KP Long Hà, thị trấn La Hai	600	36	3	2			x
76	CHBL XD Lê Tùng	DNTN KD XD Lê Tùng	Thôn Lãnh Vân, xã Xuân Lãnh.	600	37	3	2			x
77	CHXD Đồng Xuân	DNTN Phan Thị Quang	ĐT642, thôn Long Hà, thị trấn La Hai	200	26	3	3			x
<b>VII</b>	<b>THỊ XÃ SÔNG CÀU</b>									
78	CHXD số 8	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1256+70, xã Xuân Lộc	340	48	4	4			x
79	CHXD số 9	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1276+260, KP Phước Lý, phường Xuân Yên	439	75	6	6			x
80	CHXD số 11	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1292+600, xã Xuân Thọ 2	612	75	5	6			x
81	CHXD số 12	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1D, xã Xuân Hòa	600	40	5	5			x
82	CHXD Thành Liên	DNTN xăng dầu Thành Liên	QL1, Km1253+65, xã Xuân Lộc	700	50	5	5			x
83	CHXD Phú Hưng	Cty TNHH Phú Hưng	QL1, Km1266+307, xã Xuân Cảnh	1.600	80	6	9			x
84	CHXD Lê Thức	DNTN vận tải KD XD Lê Thức	QL1, Km 1269, xã Xuân Thịnh	3.265	75	9	20			x
85	CHXD Cao Biền	DNTN Xăng dầu Cao Biền	Thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh	193	20	2	3			x
86	CHXD Khổng Lang 2	DNTN Xăng dầu Khổng Lang	QL1D, xã Xuân Hải	1.200	50	4	4			x
87	CHXD Đồng Tiến	DNTN Xăng dầu Đồng Tiến	KP Vạn Phước, phường Xuân Thành	298	50	5	5			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
88	CHXD Đức Thanh 1	DNTN Xăng dầu Đức Thanh	KP Vạn Phước, phường Xuân Thành	270	33	4	5			x
89	CHXD Đức Thanh 2	DNTN Xăng dầu Đức Thanh	KP Chánh Bắc, phường Xuân Thành	150	26	1	3			x
90	CHXD Bảy Cường	DNTN Xăng dầu Bảy Cường	QL1, Km 1263+700, xã Xuân Cảnh	3.000	70	6				x
91	CHXD Văn Thuận	DNTN Văn Thuận	Cảng cá Dân Phước	200	24	2	6			x
92	CHXD Nguyễn Đình Hùng	DNTN Nguyễn Đình Hùng	Thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh	392	50	3	2			x
93	CHXD Xuân Hải	Cty TNHH VT&TM Minh Lộc	QL1D, Km 31, Xuân Hải	2.800	90	4	5			x
94	CHXD Điền Trang	DNTN Xăng dầu Điền Trang	QL1, Km1264+750, xã Xuân Cảnh	1.230	75	6	4			x
95	CHXD Quốc Bảo	DNTN Xăng dầu Quốc Bảo	QL1, Km1266+450, xã Xuân Cảnh	10.000	150	10	5	x		
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN TUY AN</b>									
96	CHXD An Mỹ	Cty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên	QL1, Km1317+825, Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ	1.993	48	5	4			x
97	CHXD Chí Thạnh	Cty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên	QL1, Km1303+160KP. Long Bình, thị trấn Chí Thạnh	2.813	50	6	5			x
98	CHXD số 15	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1298+640, xã An Dân	1.250	75	6	5			x
99	CHKD Tổng hợp Tuy An	Cty CP Thương Mại Miền núi	QL1, Km1302, thị trấn Chí Thạnh	1.262	41	4	3			x
100	CHXD Ngân Sơn	HTX Liên Kết	QL1, Km1300+800, Thôn Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh	400	8	2	3			x
101	CHXD Vinh Dự	DNTN Đình Thị Dự	QL1, Km1295+990, thôn Cần Lương, xã An Dân	600	33	3	4			x
102	CHXD số 17	CN Xăng dầu Phú Yên	Thôn Tân An, xã An Hòa	1.190	25	2	3			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
103	CHXD Hoàng Sinh	DNTN Thương Mại Hoàng Sinh	Thôn Mỹ Quang, xã An Chấn	1.927	50	3	3			x
104	CHXD Quang Hưng	DNTN Cây xăng dầu Quang Hưng	Thôn Giai Sơn, xã An Mỹ	400	32	3	3			x
105	CHBL XD Nguyễn Đình Hùng (CS 2)	DNTN Nguyễn Đình Hùng	Thôn Phú Lương, xã An Ninh Đông	1.200	50	4	2			x
106	CHXD số 14	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1301+775, thị trấn Chí Thạnh	500	50	4	4			x
107	CHXD Hồng Cát CS1	DNTN Xăng dầu Hồng Cát	Thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông	954	26	2	1			x
108	CHXD số 10	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1307+655, xã An Cư	736	75	6	5			x
109	CHXD số 16	CN Xăng dầu Phú Yên	Cảng cá Tiên Châu, xã An Ninh Tây	220	60	3	3			x
110	CHXD Phong Hậu	HTX Liên Kết	ĐT 641, thôn Phong Hậu, xã An Định	200	24	2	3			x
111	CHXD Hồng Cát CS2	DNTN Xăng dầu Hồng Cát	Thôn Phú Lương, xã An Ninh Đông	213	10	2	1			x
112	CHXD Hồng Cát CS3	DNTN Xăng dầu Hồng Cát	Thôn Phú Lương xã An Ninh Đông	2.000	50	5	2			x
<b>IX</b>	<b>HUYỆN PHÚ HÒA</b>									
113	CHXD HTX Hòa Thắng 1	HTX NN KDTH Hòa Thắng 1	QL25, Km8+200, xã Hòa Thắng	1.390	50	4	4			x
114	CHXD HTX Hòa Thắng 2	HTX NN KDTH Hòa Thắng 2	QL25, Km5+150, thôn Đông Lộc, xã Hòa Thắng	1.570	60	4	4			x
115	CHXD HTX Hòa Trị 2	HTX NN KDTH Hòa Trị 2	ĐH 22, thôn Phụng Tường 1, xã Hòa Trị	750	41	3	4			x
116	CHXD Hòa An	Cty CP Xăng dầu khí Phú Yên	QL 25, Km1, thôn Đông Phước, xã Hòa An	1.251	25	6	6			x

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Trang thiết bị kỹ thuật, lao động			Phân loại cửa hàng		
					Dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Số lao động (người)	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
117	CHXD Hòa Quang Nam	HTX NN KDTH Hòa Quang Nam	ĐH 22, Thôn Nho Lâm, xã Hòa Quang Nam	1.000	40	4	3			x
118	CHXD số 5	CN Xăng dầu Phú Yên	QL25, thôn Đông Phước, xã Hòa An	1.506	80	5	4			x
119	CHXD Hòa Hội	Cty TNHH Lê Hồng	QL25, Km29 + 500 thôn Phong Hậu, xã Hòa Hội	875	50	3	3			x

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**DANH MỤC CÁC CỬA HÀNG XĂNG DẦU XÂY MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất dự kiến (m <sup>2</sup> )	Tổng dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Cấp			Giai đoạn đầu tư	
						Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	2012-2015	2016-2020
	<b>TỔNG SỐ: 88</b>	<b>83.600</b>	<b>4.910</b>	<b>344</b>	<b>393.800</b>	-	<b>14</b>	<b>74</b>	<b>39</b>	<b>49</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ TUY HÒA</b>	<b>4.800</b>	<b>790</b>	<b>45</b>	<b>63.200</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>5</b>
1	Khu phố Thanh Đức, Phường 9 (đọc xã lộ 20)	300	50	3	4.000			x	x	
2	Thôn Xuân Hòa, xã Hòa Kiến (đọc xã lộ 20)	1.000	50	3	4.000			x		x
3	Thôn Phú Vang, xã Bình Kiến (đường liên xã Hòa Kiến - Bình Kiến)	300	50	3	4.000			x	x	
4	Đường Nguyễn Văn Linh (phía trái đoạn từ bến xe nam TP. Tuy Hòa đến nút giao thông QL1), Phường Phú Lâm	500	110	5	8.800		x		x	
5	Khu vực ngã tư đường Hùng Vương và đường Võ Thị Sáu, Phường Phú Đông	500	110	5	8.800		x		x	
6	Đường Mậu Thân (đoạn cây Xộp, thôn Liên Trì, Xã Bình Kiến)	300	50	3	4.000			x		x
7	Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường 9	500	110	6	8.800		x		x	
8	Khu Kinh tế Nam thành phố Tuy Hòa	300	50	4	4.000			x		x
9	Khu vực ngã tư đường Hùng Vương và đường Trần Hào, Phường 9	500	110	5	8.800		x		x	
10	Khu vực Phường 7	300	50	4	4.000			x		x
11	Đường Thăng Long, Phường Phú Thạnh	300	50	4	4.000			x		x
<b>II</b>	<b>HUYỆN ĐÔNG HÒA</b>	<b>8.000</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>32.800</b>	-	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
12	Km26-Km 27 QL 29 (phía phải) theo tuyến Phú Hiệp - Ba Bàng, xã Hòa Hiệp Trung - Hòa Vinh	1.000	50	4	4.000			x	x	
13	Km29-Km30 QL29 (phía trái) theo tuyến Đông Mỹ - Gò Mâm, Xã Hòa Vinh - Hòa Tân Tây	1.000	50	4	4.000			x		x

STT	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất dự kiến (m <sup>2</sup> )	Tổng dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Cấp			Giai đoạn đầu tư	
						Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	2012-2015	2016-2020
14	Km2-Km3 ĐT 645 (phía phải) thôn Phước Bình Bắc - xã Hòa Thành	1.000	50	4	4.000			x	x	
15	Trung tâm hành chính mới xã Hòa Tâm	1.000	50	4	4.000			x		x
16	Đường Hùng Vương thuộc xã Hòa Hiệp Bắc	1.000	50	4	4.000			x		x
17	Đường Hùng Vương thuộc thôn Phú Thọ 1- xã Hòa Hiệp Trung	2.000	110	5	8.800		x		x	
18	Khu vực quy hoạch bến xe huyện (tại Km1342 QL1 bên phải đầu nối vào đường gom của xã Hòa Vinh)	1.000	50	4	4.000			x		x
<b>III</b>	<b>HUYỆN TÂY HÒA</b>	<b>8.000</b>	<b>420</b>	<b>25</b>	<b>33.600</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>-</b>
19	Km51+500 QL 29 thôn Liên Thạch, xã Hòa Phú (phía phải khu đất HTX nông nghiệp Hòa Phú đầu nối vào đường liên thôn Liên Thạch - Thạch Bàn)	1.000	50	4	4.000			x	x	
20	Thôn Phú Hữu, xã Hòa Thịnh	2.000	110	5	8.800		x		x	
21	Thôn Xuân Thạnh 2, xã Hòa Tân Tây (đầu nối vào đường thôn Xuân Thạnh 2)	1.000	50	4	4.000			x	x	
22	Trung tâm Xã Hòa Mỹ Tây	1.000	50	4	4.000			x	x	
23	Km40+800 - Km41 QL 29 địa phận thôn Phước Thịnh, xã Hòa Bình 2 (phía phải khu đất HTX nông nghiệp Hòa Bình 2 đầu nối vào đường thôn văn hóa Phước Thịnh)	2.000	110	5	8.800		x		x	
24	Thôn Xuân Mỹ, xã Hòa Mỹ Đông	1.000	50	3	4.000			x	x	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN SÔNG HINH</b>	<b>7.500</b>	<b>430</b>	<b>25</b>	<b>34.400</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>7</b>
25	Km113-Km115 ĐT 649, Xã Sông Hinh	1.000	50	3	4.000			x		x
26	Km 95 - Km 96 ĐT 649, Xã EaTrol	1.000	50	3	4.000			x		x
27	Trung tâm xã Ealâm	1.000	50	3	4.000			x		x
28	Thôn Bình Giang, xã Đức Bình Đông	1.000	50	3	4.000			x		x

STT	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất dự kiến (m <sup>2</sup> )	Tổng dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Cấp			Giai đoạn đầu tư	
						Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	2012-2015	2016-2020
29	Ngã ba Km86+300 QL 29 (phía phải) đường đi EaBá - EaLâm (đầu nối vào đường đi EaBá - EaLâm), xã EaBá	1.000	40	3	3.200			x		x
30	Km100+200 QL,29 (phía phải) đầu nối vào đường Đông Trường Sơn, xã EaBar	1.000	40	3	3.200			x	x	
31	Trung tâm xã EaBá	1.000	40	3	3.200			x		x
32	Km78 - Km79 QL.29 (phía phải), thị trấn Hai Riêng	500	110	4	8.800		x			x
<b>V</b>	<b>HUYỆN SON HÒA</b>	<b>7.800</b>	<b>380</b>	<b>31</b>	<b>30.400</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>6</b>
33	Km32 - Km33 ĐT 643 xã Sơn Định	1.000	40	4	3.200			x		x
34	Km9-Km10 ĐT 646 xã Sơn Phước (đầu nối vào đường ngang)	1.000	30	3	2.400			x		x
35	Đường Trần Phú, khu phố Trung Hòa, thị trấn Củng Sơn	500	110	5	8.800		x		x	
36	Trung tâm xã Sơn Nguyên	1.000	30	3	2.400			x		x
37	Trung tâm xã Suối Trai	1.000	30	3	2.400			x		x
38	Trung tâm xã Cà Lúi	1.000	30	3	2.400			x		x
39	Trung tâm xã Phước Tân	1.000	30	3	2.400			x		x
40	Đường 24/3, khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn	300	50	4	4.000			x	x	
41	Thôn Thành Hội, xã Sơn Hà	1.000	30	3	2.400			x	x	
<b>VI</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG XUÂN</b>	<b>11.300</b>	<b>500</b>	<b>44</b>	<b>40.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>10</b>
42	Km 26-28, ĐT 644 (phía phải), thôn 3, xã Đa Lộc	1.000	40	3	3.200			x		x
43	Trung tâm xã Phú Mỹ - ĐT 647 (phía phải)	1.000	40	3	3.200			x		x
44	Trung tâm xã Xuân Quang 1 - ĐT647 (phía trái)	1.000	40	3	3.200			x		x
45	Km 17, trục phía Tây (phía trái), thôn Long Mỹ, xã Xuân Long	1.000	50	4	4.000			x		x
46	Km 26, trục phía Tây (phía phải), thôn Phước Lộc, xã Xuân Quang 3	1.000	40	3	3.200			x		x

STT	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất dự kiến (m <sup>2</sup> )	Tổng dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Cấp			Giai đoạn đầu tư	
						Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	2012-2015	2016-2020
47	Km 12-13, ĐT 642 (phía phải), thôn Tân Bình, xã Xuân Sơn Bắc	1.000	40	4	3.200			x		x
48	Thôn Triêm Đức, xã Xuân Quang 2	1.000	40	4	3.200			x	x	
49	Trung tâm xã Xuân Phước	1.000	40	4	3.200			x	x	
50	Km 29-30, trục phía Tây (phía trái), thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước	1.000	40	4	3.200			x		x
51	Thôn Suối Cối - xã Xuân Quang 1 - ĐT 647 (phía phải)	1.000	40	4	3.200			x		x
52	Km35-36, trục phía Tây, thôn Suối Mây, xã Xuân Phước	1.000	40	4	3.200			x		x
53	Khu phố Long Châu, thị trấn La Hai	300	50	4	4.000			x		x
<b>VII</b>	<b>THỊ XÃ SÔNG CẦU</b>	<b>16.900</b>	<b>1.010</b>	<b>71</b>	<b>81.000</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	<b>5</b>
54	Km 1248+500 QL1 (phía trái), xã Xuân Lộc	2.000	110	5	8.800		x		x	
55	Khu vực KP Long Bình, ĐT 644, P. Xuân Phú	300	50	4	4.000			x	x	
56	Khu vực thôn Bình Tây, ĐT 644, xã Xuân Lâm	1.000	50	4	4.000			x		x
57	Km 1280+300 QL1 (phía phải), xã Xuân Thọ 2	1.000	50	4	4.000			x	x	
58	Km 1284 đến 1287 QL 1 (phía phải)	1.000	60	5	5.000			x	x	
59	Km 1290+900 QL1 (phía phải), Phường Xuân Đài	1.000	110	5	8.800		x		x	
60	KP Phước Hậu, P. Xuân Đài	300	40	4	3.200			x	x	
61	Thôn Trung Trinh, xã Xuân Phương (Di dời CHXD Khổng Lang 1, tại Khu phố Long Hải, Phường Xuân Yên đến)	1.000	50	4	4.000			x	x	
62	Thôn Chánh Nam, xã Xuân Thọ 1	1.000	50	4	4.000			x	x	
63	KP Long Hải Đông, Phường Xuân Yên	300	50	4	4.000			x	x	
64	Km 24+550 (phía trái) QL1D, xã Xuân Hải	1.000	50	4	4.000			x	x	
65	Thôn Diêm Trường, xã Xuân Bình (Gần cầu Xuân Bình - Xuân Hải)	1.000	50	4	4.000			x		x
66	Thôn Hòa An, xã Xuân Hòa	1.000	30	3	2.400			x	x	
67	Thôn Từ Nham, xã Xuân Thịnh	1.000	50	4	4.000			x		x

STT	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất dự kiến (m <sup>2</sup> )	Tổng dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Cấp			Giai đoạn đầu tư	
						Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	2012-2015	2016-2020
68	Thôn Dân Phú 1 xã Xuân Phương	1.000	50	4	4.000			x		x
69	Độc tuyến đường liên xã Lê Uyên -Bình Thạnh Nam (xã Xuân Phương - Xuân Bình)	1.000	50	4	4.000			x		x
70	Km 27+960 QL1D (phía phải) thôn 4, xã Xuân Hải	2.000	110	5	8.800		x		x	
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN TUY AN</b>	<b>12.000</b>	<b>590</b>	<b>45</b>	<b>48.000</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>8</b>
71	Km2-3, ĐT650, thôn Trung Lương, xã An Nghiệp	1.000	50	4	4.800			x		x
72	Km 8-10, ĐT643, thôn Quảng Đức, xã An Thọ	1.000	50	4	4.000			x		x
73	Thôn Đồng Nỗ, xã An Hải	1.000	40	4	3.200			x	x	
74	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây (phía phải tuyến Cây Keo - An Ninh)	1.000	50	4	4.000			x	x	
75	Thôn Hội Tín, xã An Thạch	1.000	50	4	4.000			x		x
76	Thôn Phong Niên, xã An Định	1.000	50	4	4.000			x		x
77	Thôn Tuy Dương, xã An Hiệp	1.000	40	4	3.200			x		x
78	Km 1312-1314 QL1 (phía phải), xã An Hiệp	2.000	110	5	8.800		x		x	
79	Thôn Phú Hạnh, xã An Ninh Đông	1.000	50	4	4.000			x		x
80	Thôn Phú Sơn, xã An Ninh Đông	1.000	50	4	4.000			x		x
81	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây (phía trái tuyến Cây Keo - An Ninh)	1.000	50	4	4.000			x		x
<b>IX</b>	<b>HUYỆN PHÚ HÒA</b>	<b>7.300</b>	<b>380</b>	<b>29</b>	<b>30.400</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
82	Trung tâm thị trấn Phú Hòa	300	50	4	4.000			x	x	
83	Điểm giao ĐH22 – kênh N1 xã Hòa Quang Bắc	1.000	40	4	3.200			x	x	
84	Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An (độc tuyến liên xã Hòa An – Hòa Thắng - thị trấn Phú Hòa)	1.000	40	4	3.200			x		x
85	Điểm giao góc Tây Bắc tuyến ĐH 22 và quốc lộ 1, xã Hòa Trị	1.000	50	4	4.000			x	x	

STT	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất dự kiến (m <sup>2</sup> )	Tổng dung tích bồn chứa (m <sup>3</sup> )	Số cột bơm (cái)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Cấp			Giai đoạn đầu tư	
						Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	2012-2015	2016-2020
86	Khu vực ngã ba Km10+500 QL25 với tuyến liên xã Hòa An – Hòa Thắng - thị trấn Phú Hòa	2.000	110	5	8.800		x			x
87	Km22 – Km23 QL 25, xã Hòa Định Tây (phía trái đầu nối vào đường huyện)	1.000	50	4	4.000			x		x
88	Thôn Quang Hưng, xã Hòa Quang Nam (dọc tuyến ĐH 25)	1.000	40	4	3.200			x		x

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**DANH MỤC CÁC CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHẢI GIẢI TỎA, DI DỜI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	THỜI HẠN PHẢI GIẢI TỎA, DI DỜI		LÝ DO
				Đến 2015	2016-2020	
<b>TỔNG SỐ: 14</b>				<b>14</b>	<b>0</b>	
1	CHXD Tấn Thành	DNTN KDXD Tấn Thành	Khu phố Bạch Đằng, phường 6, TP Tuy Hòa	x		Nằm trong dự án của tỉnh
2	CHXD Hồng Dâng	DNTN KDXD Hồng Dâng	89 Đinh Tiên Hoàng, KP 6, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa	x		Nằm trong dự án của tỉnh
3	CHXD Sáu Rang	DNTN Sáu Rang	Thôn Phú Thọ 1, xã Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa	x		Nằm trong dự án của tỉnh
4	CHXD Phước Lộc	DNTN Xăng dầu Phước Lộc	Thôn Phước Lộc, xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	x		Nằm trong dự án của tỉnh
5	CHXD Ba Tiên	DNTN Ba Tiên	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp Nam, huyện Đông Hòa	x		Nằm trong quy hoạch tuyến đường Hùng Vương
6	CHXD Đà Nông	DNTN Khánh Quỳnh	Thôn Phước Tân, xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	x		Nằm trong dự án của tỉnh
7	CHXD Tổng hợp Sơn Hòa	Cty CP Thương mại miền núi	Số 84 Trần Phú, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa	x		Nằm trong quy hoạch bến xe huyện
8	CHXD Khổng Lang 1	DNTN Xăng dầu Khổng Lang	KP. Long Hải, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu	x		Nằm trong khu dân cư nội đô, không đảm bảo an toàn PCCC và vệ sinh môi trường
9	CHXD Phú Diềm	HTX Liên Kết	QL 1, Km 1315+335, xã An Hòa, huyện Tuy An	x		Phải di dời ra khỏi hành lang giao thông, nếu không thì phải giải tỏa

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	THỜI HẠN PHẢI GIẢI TỎA, DI DỜI		LÝ DO
				Đến 2015	2016-2020	
10	CHXD Mười Xinh	DNTN Mười Xinh	Thôn Nhơn Hội, xã An Hòa, huyện Tuy An	x		Nằm trong khu tập trung dân cư, không phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương
11	CHXD An Ninh Tây	HTX Kinh doanh An Ninh Tây	Thôn Xuân Phú, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An	x		Nằm trong khu tập trung dân cư, không đảm bảo an toàn PCCC và vệ sinh môi trường
12	CHXD Tấn Phùng	DNTN Xăng dầu Nguyễn Tấn Phùng	Thôn Mỹ Quang Nam, xã An Chấn, huyện Tuy An	x		Nằm trong khu tập trung dân cư, không phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương
13	CHXD Hồng Ngọc	DNTN Xăng dầu Hồng Ngọc	Thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An	x		Nằm trong khu tập trung dân cư, không phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương
14	CHXD Trung Nga CS2	DNTN Xăng dầu Trung Nga	QL 1, Km 1320+950, xã An Chấn, huyện Tuy An	x		Nằm trong dự án Trồng cây kiềng xuất khẩu của tỉnh

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**DANH MỤC CÁC CỬA HÀNG PHẢI CẢI TẠO, NÂNG CẤP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng hiện có (m <sup>2</sup> )	Lộ trình cải tạo, nâng cấp		Lý do phải cải tạo, nâng cấp
					Đến năm 2015	2016-2020	
<b>TỔNG SỐ: 49</b>					<b>49</b>		
<b>I THÀNH PHỐ TUY HÒA</b>							
1	CHXD Long Phần	DNTN XD Long Phần	Thôn Long Thủy, xã An Phú	200	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
2	CHXD Số 06	Chi nhánh xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1325+430, xã An Phú	113	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
3	CHXD Đông Tác	DNTN Vinh Sâm	Cảng cá Đông Tác, Phường Phú Đông	182	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
4	CHXD Mười Sum 3	DNTN XD Mười Sum	Cảng cá Đông Tác, phường Phú Đông	254	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
5	CHXD Đà Rằng	Công ty TNHH Đà Rằng	06 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm	90	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
6	CHXD Trung Nga 1	DNTN XD Trung Nga	Nguyễn Tất Thành, xã Bình Kiến	218	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
7	CHXD Công ty CP Xây dựng giao thông PY	Công ty CP Xây dựng giao thông	Nguyễn Tất Thành, thôn Liên Trì, xã Bình Kiến	1.391,2	x		Do kiến trúc xây dựng chưa đạt chuẩn cửa hàng cấp 3
8	CHXD Phú Lâm	HTX NN KDDV Phú Lâm	Đường Nguyễn Tất Thành, KP. 3, phường Phú Thạnh	816,75	x		Do kiến trúc xây dựng chưa đạt chuẩn cửa hàng cấp 3
9	CHXD Mười Sum 2	DNTN XD Mười Sum	QL 1, Km1322+600, xã An Phú	1.000	x		Do kiến trúc xây dựng chưa đạt chuẩn cửa hàng cấp 3
<b>II HUYỆN ĐÔNG HÒA</b>							
10	CHXD Phú Thọ 2	DNTN Chung	Thôn Phú Thọ, xã Hòa Hiệp Trung	300	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
11	CHXD HTX NN KD-DV Hòa Hiệp Nam 1	HTX NN KD-DV Hòa Hiệp Nam 1	Thôn Thọ Lâm, xã Hòa Hiệp Nam	750	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng hiện có (m <sup>2</sup> )	Lộ trình cải tạo, nâng cấp		Lý do phải cải tạo, nâng cấp
					Đến năm 2015	2016-2020	
12	CHXD Hòa Hiệp	Cty CP TM và DV Tiến Việt	Thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp Trung	883	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
13	CHXD Chín Thử CS 4	DNTN Chín Thử	QL1, Km 1346+510, thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân Đông	350	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
14	DNTN Nguyễn	DNTN Nguyễn	Thôn Đa Ngur, xã Hòa Hiệp Nam	535	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
15	CHXD Bốn Hạnh CS 2	DNTN Bốn Hạnh	Thôn Phú Thọ 3, xã Hòa Hiệp Trung	700	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
16	CHXD Ba Phí	DNTN XD Ba Phí	Thôn Phú Lạc, xã Hòa Hiệp Nam	300	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
17	CHXD số 19	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km1357+445, thôn Hào Sơn, xã Hòa Xuân Nam	500	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
18	CHXD Kiều My-CS 1	DNTN Kiều My	Thôn Phước Lâm, xã Hòa Hiệp Bắc	600	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
19	CHXD Hòa Tân	DNTN Hòa Tân	QL29, thôn Cảnh Phước, xã Hòa Tân Đông	550	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
20	CHXD Chín Thử- CS 3	DNTN Cơ sở KD XD Chín Thử	QL1, Km1356+115, thôn Hào Sơn, xã Hòa Xuân Nam	570	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
21	CHXD Kiều My-CS 2	DNTN Kiều My	Thôn Mỹ Hòa, Hòa Hiệp Bắc	900	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
<b>III</b>	<b>HUYỆN TÂY HÒA</b>						
22	CHXD Hòa Phong	HTX NN KD DV Hòa Phong	QL29, Km 16+300, thôn Mỹ Thạnh trung, xã Hòa Phong	530	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
23	CHXD Chín Sĩ	DNTN Xăng dầu Chín Sĩ	QL29, Km 27+500, thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông	415	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
<b>IV</b>	<b>HUYỆN SÔNG HINH</b>						
24	CHKD XD Sông Hinh	Cty CP thương mại miền núi	QL29, KP 4, Thị trấn Hai Riêng	216	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
25	CHXD EaBar	Công ty TNHH Thanh Thiên	QL29, Buôn Trinh, xã Ea Bar	775	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng hiện có (m <sup>2</sup> )	Lộ trình cải tạo, nâng cấp		Lý do phải cải tạo, nâng cấp
					Đến năm 2015	2016-2020	
<b>V</b>	<b>HUYỆN SƠN HÒA</b>						
26	CHXD Kim Tiên	DNTN Hồ Thị Kim Tiên	QL25, km 37 + 500, thôn Ngân Điền, xã Sơn Hà	150	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
27	CHXD Phú Hữu	DNTN Xăng dầu Phú Hữu	QL 25, thôn Phú Hữu, xã Suối Bạc	600	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
<b>VI</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG XUÂN</b>						
28	CHXD Đồng Xuân	DNTN Phan Thị Quang	ĐT 642, thôn Long Hà, thị trấn La Hai	200	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
29	CHKD XD Xuân Lành	Cty CP Thương mại miền núi	ĐT 641 thôn Lành Vân, xã Xuân Lành	320	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
30	CHXD Lê Tiến	DNTN Lê Tiến	Thôn Phước Hòa, Xã Xuân Phước	800	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
31	CHBL XD Xuân Sơn Nam	HTX SX &DV NN Xuân Sơn Nam	ĐT 641, Thôn Tân Vinh, xã Xuân Sơn Nam	800	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
32	CHBL XD Lê Tùng	DNTN KD XD Lê Tùng	Thôn Lành Vân, xã Xuân Lành	600			Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
<b>VII</b>	<b>THỊ XÃ SÔNG CẦU</b>						
33	CHXD số 11	CN Xăng dầu Phú Yên	QL 1, Km 1292+600, xã Xuân Thọ 2	612	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
34	CHXD số 12	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1D, xã Xuân Hòa	600	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
35	CHXD Cao Biền	DNTN Xăng dầu Cao Biền	Thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh	193	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
36	CHXD Đức Thanh 2	DNTN Xăng dầu Đức Thanh	Thôn Chánh Bắc, phường Xuân Đài	150	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
37	CHXD Nguyễn Đình Hùng	DNTN Nguyễn Đình Hùng	Thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh	392	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
38	CHXD Thành Liên	DNTN Xăng dầu Thành Liên	QL1, Km 1253+65, xã Xuân Lộc	700	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
39	CHXD số 8	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1256+70, xã Xuân Lộc	340	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất

STT	TÊN CỬA HÀNG	CHỦ DOANH NGHIỆP	ĐỊA ĐIỂM CỬA HÀNG	Diện tích đất sử dụng hiện có (m <sup>2</sup> )	Lộ trình cải tạo, nâng cấp		Lý do phải cải tạo, nâng cấp
					Đến năm 2015	2016-2020	
<b>VIII HUYỆN TUY AN</b>							
40	CHXD số 10	CN Xăng dầu Phú Yên	QL1, Km 1307+665, xã An Cư	736	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
41	CHXD Phong Hậu	HTX Liên Kết	ĐT 641, thôn Phong Hậu, An Định	200	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
42	CHXD Hồng Cát 2	DNTN Xăng Dầu Hồng Cát	Thôn Phú Lương, xã An Ninh Đông	213	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
43	CHXD Vinh Dự	DNTN Đinh Thị Dự	QL1, Km 1295+990, thôn Càn Lương, xã An Dân	600	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
44	CHXD Hồng Cát CS1	DNTN Xăng dầu Hồng Cát	Thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông	954	x		Do kiến trúc xây dựng chưa đạt chuẩn cửa hàng cấp 3
45	CHXD Quang Hưng	DNTN Cây xăng dầu Quang Hưng	Thôn Giai Sơn, xã An Mỹ	400	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
46	CHXD Tổng hợp Tuy An	Cty CP Thương mại miền núi	QL 1, Km 1302, thị trấn Chí Thạnh	1.262	x		Do kiến trúc xây dựng chưa đạt chuẩn cửa hàng cấp 3
47	CHXD Ngân Sơn	HTX Liên Kết	QL1, Km 1300+800, thôn Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh	400	x		Do kiến trúc xây dựng chưa đạt chuẩn cửa hàng cấp 3
<b>IX HUYỆN PHÚ HÒA</b>							
48	CHXD HTX Hòa Trị 2	HTX NN KDTH Hòa Trị 2	ĐH 22, thôn Phụng Tường 1, xã Hòa Trị	750	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất
49	CHXD Hòa Hội	Công ty TNHH Lê Hồng	QL25, Km29 + 500, thôn Phong Hậu, xã Hòa Hội	875	x		Không đạt chuẩn cửa hàng cấp 3, do thiếu diện tích đất